

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 28/6/2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tranh chấp tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu
hồi đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- THẠnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Truyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Hồng Khanh
2. Ông Vi Thanh Cầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thê -Thẩm tra viên chính của Tòa án nhân dân tỉnh B

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ Y số: 36/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Triệu Đức Y- sinh năm 1954

Địa chỉ: L, xã Q, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt. Người bảo vệ quyền và I ích hợp pháp của Nguyên đơn là Ông Nguyễn Ngọc Th - sinh năm 1958- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Th - Đoàn luật sư tỉnh TN. Địa chỉ: số nHA 18, ngõ 30, đường Z 115, tổ 3, phường NThịnh, tHanh phố TN, tỉnh TN. Có mặt

Đại diện theo uỷ quyền: anh Triệu Hữu THẠnh - sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh B. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Triệu Nho H - sinh năm 1963.

Địa chỉ: L, xã Q, huyện C, tỉnh B. Có mặt.

3. Người có quyền I, nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện C: Đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Ngọc N- Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C. Có mặt

- Bà Triệu Thị A - sinh năm 1957. Vắng mặt

Đại diện theo uỷ quyền của bà Triệu Thị A: anh Triệu Hữu THẠnh- sinh năm 1982. Địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh B

- Bà Phan Thị T -sinh năm 1961. Vắng mặt

- Anh Triệu Sinh G - sinh năm 1983. Vắng mặt
- Anh Triệu Sinh I - sinh năm 1986. Vắng mặt
- Anh Triệu Sinh HA - sinh năm 1992. Vắng mặt

(Bà Phan Thị T, anh Triệu Sinh G, anh Triệu Sinh I, anh Triệu Sinh HA có văn bản uỷ quyền cho ông Triệu Nho H).

- Bà Dương Thị T1 - sinh năm 1965. Vắng mặt (bà Tứ đề nghị giải quyết vắng mặt).

Đều có địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn trình bày:

Năm 1976, ông Ykhai phá được mảnh đất để làm nHA ở và trồng cây là thửa đất số 74 tờ bản đồ số 109, diện tích 560,2m² tại thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh B.

Năm 1979, do điều kiện về nguồn nước phục vụ sinh hoạt cho gia đình khó khăn, ông Yđã chuyển nHA sang nơi khác sinh sống, sau khi chuyển chỗ ở thì ông Triệu Nho H có hỏi mượn ông Ythừa đất trên để trồng Mía trong thời hạn 02 năm.

Đến năm 1981, ông Yyêu cầu ông Triệu Nho H trả lại đất nhưng ông H không trả lại đất cho gia đình.

Ông Yđã liên tục đòi lại đất và đã được chính quyền xã A giải, giải quyết nhiều lần trong nhiều năm nhưng ông H không trả lại đất cho gia đình.

Năm 2003, Ông H đã tự ý kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 diện tích 561m² nay là thửa đất số 74 tờ bản đồ số 109 diện tích 560,2m² (Bản đồ đo đạc chính Ynăm 2013).

Đến năm 2015, NHA nước thu hồi một phần diện tích thửa đất trên với diện tích 63m² và được đền bù với số tiền: 11.062.800 đ (mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng), do có tranh chấp đất nên số tiền đền bù trên được giữ lại tại UBND xã Q.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2022, ông Triệu Đức Ykhởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận ông Ycó quyền sử dụng đất đối với diện tích 412,0m² thuộc thửa số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001) được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,11,9,10,1 và yêu cầu được được nhận số tiền đền bù đất với số tiền: 11.062.800 đ (mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T051707, cấp ngày 26/3/2001 của UBND huyện C cấp cho hộ ông Triệu Nho H đối với thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001).

Phần diện tích đất thuộc thửa số 317 tờ bản đồ số 109 diện tích 8,8m² (đất giao thông) được giới hạn bởi các mốc 6,7,8,9,11,6 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Phần diện tích đất thuộc thửa số 131 tờ bản đồ số 108 diện tích: 13,2m² được giới hạn bởi các mốc 4,5,6,11,4 (Phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Dương Thị Tứ: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết).

2. Bị đơn ông Triệu Nho H trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp trước năm 1986 là đất hoang, không có người canh tác.

Năm 1986, ông H cùng với mẹ là bà Triệu Thị Cói khai phá trồng ngô và đỗ liên tục đến năm 1992 chuyển trồng Mía, đến năm 1994 thì bà Triệu Thị Cói chết, ông Triệu Đức H tiếp tục quản Ythửa đất trên, trồng Mía xen lẫn trồng Ngô và sau đó chuyển sang trồng Dong Riềng theo dự án và sau đó chuyển sang trồng cỏ Voi.

Năm 2003, nHA nước triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Q, ông Triệu Nho H đã kê khai đối với thửa đất, tại thời điểm năm 2003 không có tranh chấp và đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T051707, cấp ngày 26/3/2001 đứng tên hộ ông Triệu Nho H thể hiện là thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001) hiện nay là thửa số 74 tờ bản đồ số 109 (Bản đồ đo đạc chính Ynăm 2013).

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003: Việc triển khai cấp đất được thôn triển khai đến các hộ gia đình, khi đo đạc thửa đất có bờ thửa rõ ràng, việc đo đạc thửa đất do cơ quan chuyên môn tiến HAnh như thế nào thì ông H không được biết, sau khi đo đạc xong sau có bản đồ về thửa đất, thôn tiến HAnh họp thôn để các hộ nhận đất trên bản đồ và ông H đã nhận đất và đã làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có tranh chấp.

Đến năm 2007, giữa ông H và ông Ycó phát sinh tranh chấp, ông Yđề nghị đổi thửa đất tranh chấp cho ông Yđể ông Hồng lấy thửa đất khác.

Đến năm 2013, tại xã Q tiến HAnh cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do có tranh chấp với ông Triệu Đức Ynên thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2017, ông Triệu Nho H xây bức tường với mục đích ngăn rác từ gia đình ông Yđổ xuống thửa đất.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2022, ông H xác định hiện nay có tranh chấp phần diện tích đất với diện tích 412,0m² thuộc thửa số 122 tờ bản đồ số 108 (bản đồ địa chính năm 2001) được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,11,9,10,1 và tranh chấp số tiền đền bù đối với phần diện tích 63m² thửa thuộc thửa số 74 tờ bản đồ số 109 (Bản đồ đo đạc chính Ynăm 2013) với số tiền: 11.062.800 đ.

Phần diện tích thuộc thửa số 317 tờ bản đồ số 109 diện tích 8,8m² (đất giao thông) được giới hạn bởi các mốc 6,7,8,9,11,6 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Phần diện tích thuộc thửa số 131 tờ bản đồ số 108 diện tích: 13,2m² được giới hạn bởi các mốc 4,5,6,11,4 (Phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Dương Thị Tứ): Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông Triệu Nho H không đồng ý với việc khởi kiện của ông Triệu Đức Lý, ông H không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

3. Người có quyền I, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Đại diện UBND huyện C trong quá trình giải quyết vụ án trình bày tại Văn bản số 11/UBND-TNMT, ngày 05/01/2022 và tại phiên tòa trình bày:

- Năm 2003 triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thực hiện đồng loạt trên địa bàn huyện C trong đó có xã Q theo bản đồ địa chính năm 2001.

Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 liên quan đến thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 diện tích 561m², do đã nhiều lần chuyển kho lưu trữ nên hồ sơ đã thất lạc, chưa tìm thấy.

- Năm 2013 tại xã Q có triển khai cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn toàn xã, đối với thửa số 122 tờ bản đồ số 108 chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ydo tại thời điểm năm 2013 thửa đất có tranh chấp.

Thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 diện tích 561m² đo đạc năm 2001 đến năm 2013 được chính YtHAnh thửa số 74 tờ bản đồ 109 diện tích 560,2m²

- Đối với yêu cầu của ông Triệu Đức Y đề nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T051707, cấp ngày 26/3/2001 của UBND huyện C đứng tên ông Triệu Nho H là với thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001), hiện tại chưa có cơ sở.

Đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được và các quy định pháp luật có liên quan giải quyết theo quy định.

- Theo bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Nguyên - C kèm theo Quyết định số: 937/QĐ-UBND, ngày 28/5/2016 của UBND huyện C, nHA nước có thu hồi phần diện tích 63m² đất BHK thuộc thửa số 74 tờ bản đồ 109 (Bản đồ đo đạc chính Ynăm 2013) và đền bù với tổng số tiền: 11.062.800 đ (mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng) đứng tên phần ông Triệu Đức Lý, các bên đương sự có tranh chấp về số tiền đền bù này, do đó trong quyết định phương án đền bù có xác nhận đang có tranh chấp. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết tranh chấp số tiền này.

- Về trình tự, thủ tục cấp đất tại xã Q: Được thực hiện theo Luật đất đai năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 1998, trong đó về trình tự, thủ tục cấp đất được triển khai từ việc kê khai của các hộ dân và có tHAnh lập Hội đồng đăng ký đất đai cấp xã xác nhận nguồn gốc đất, sau khi các hộ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thông qua Hội đồng đăng ký đất đai cấp xã xét duyệt đối với từng hộ gia đình, cá nhân, sau khi kết thúc việc xét duyệt có tiền HAnh niêm yết công khai 15 ngày không có khiếu nại, tranh chấp thì chuyển đến phòng ban chuyên môn của UBND huyện xem xét, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với thửa số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001) không có tranh chấp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Về trình tự đo đạc thửa đất theo quy định chung: Do cơ quan Sở địa chính làm chủ đầu tư và thuê đơn vị tư vấn đo đạc để đo đạc thửa đất, việc đo đạc thửa đất do

đơn vị tư vấn đo đạc tiến HAnh, thửa đất đo đạc trên bản đồ cần có xác nhận của các hộ giáp ranh.

Đối với yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T051707, cấp ngày 26/3/2001 của UBND huyện C đứng tên hộ ông Triệu Nho H đối với thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001), đề nghị Toà án căn cứ pháp luật giải quyết theo quy định.

3.2. Người có quyền I, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị A (vợ của ông Triệu Đức Lý) uỷ quyền cho con trai là anh Triệu Hữu THAnh trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2022:

Đối với đất tranh chấp thì vợ chồng ông Triệu Đức Y và bà Triệu Thị A có làm nhà trên đất khoảng năm 1976 đến khoảng năm 1978 thì chuyển nơi khác sinh sống, khi ông H mượn đất của vợ chồng bà thì không làm giấy tờ, ông H trồng Ngô và Mía nhưng không làm nhà trên thửa đất.

Đối với thửa đất tranh chấp, bà A không kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau này bà A được biết ông Triệu Nho H đã kê khai nên không đồng ý và có tranh chấp.

Trên đất tranh chấp hiện nay có cỏ Voi do ông H trồng có chiều cao khoảng 01m, ngoài ra không có tài sản gì khác.

3.3. Người có quyền I, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T (vợ của ông Triệu Nho H) uỷ quyền cho ông Triệu Nho H tại văn bản uỷ quyền ngày 09/7/2021.

3.4. Người có quyền I, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Sinh G (con trai của ông Triệu Nho H) trình bày tại văn bản lấy lời khai ngày 29/4/2022:

Đất tranh chấp thuộc sở hữu của bố mẹ hiện nay trên đất có cỏ Voi của bố mẹ, anh G không có tài sản gì trên đất.

Anh G đề nghị Toà án xác định đất tranh chấp là tài sản của bố mẹ để là ông Triệu Nho H và bà Phan Thị T, anh G không có quyền I, nghĩa vụ liên quan và không có tài sản trên đất tranh chấp.

Anh G đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

3.5. Người có quyền I, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Sinh I (con trai của ông Triệu Nho H) trình bày tại văn bản lấy lời khai ngày 29/4/2022:

Đất tranh chấp thuộc sở hữu của bố mẹ, hiện nay trên đất có cỏ Voi của bố mẹ, anh I không có tài sản gì trên đất.

Anh I đề nghị Toà án xác định đất tranh chấp là tài sản của bố mẹ để là ông Triệu Nho H và bà Phan Thị T, anh I không có quyền I, nghĩa vụ liên quan và không có tài sản trên đất tranh chấp.

Anh I đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

3.6. Người có quyền I, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Sinh HA (con trai của ông Triệu Nho H) trình bày tại văn bản lấy lời khai ngày 29/4/2022:

Đất tranh chấp thuộc sở hữu của bố mẹ, hiện nay trên đất có cỏ Voi của bố mẹ, anh HA không có tài sản gì trên đất.

Anh HA đề nghị Toà án xác định đất tranh chấp là tài sản của bố mẹ đẻ là ông Triệu Nho H và bà Phan Thị T, anh HA không có quyền I, nghĩa vụ liên quan và không có tài sản trên đất tranh chấp.

Anh HA đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

3.7. Người có quyền I, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Tứ tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2022 trình bày:

Năm 1994 vợ chồng chị Dương Thị Tứ chuyển ra vị trí hiện nay để sinh sống sát với thửa đất có tranh chấp.

Đối với thửa đất có tranh chấp thấy ông H là người trực tiếp canh tác trên thửa đất, canh tác hàng năm và trực tiếp trồng Mía, trồng cỏ Voi, trước đó còn trồng Ngô, trồng Sắn, trong khi đó ông Y không canh tác năm nào.

Đến năm 2016 bà Dương Thị Tứ xây tường ngăn cách với thửa đất của ông Triệu Nho H, khi xây tường căn cứ vào thực tế quản lý thửa đất để xây tường.

Phần đất tranh chấp có diện tích xác định bởi các điểm (4,5,6,11,4) với diện tích là 13,2m² thuộc thửa số 131 Toà án xác định của ông Y hoặc ông H là theo quyết định của Toà án,

Trong trường hợp các bên ông Lý, ông H cùng thống nhất phần diện tích xác định bởi các điểm (4,5,6,11,4) với diện tích là 13,2m² thuộc thửa số 131 không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết thì bà Tứ cũng nhất trí.

Bà Tứ đề nghị Toà án không đưa bà Tứ vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền I, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt bà Tứ và đề nghị không A giải lại vụ án.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn với lý do:

Căn cứ lời khai của những người làm chứng có căn cứ khẳng định nguồn gốc đất của gia đình ông Triệu Đức Lý, ông Triệu Đức Y đã làm nhà trên thửa đất và có căn cứ khẳng định việc tranh chấp đất đai giữa ông Y và ông H đã diễn ra liên tục nhiều năm.

Căn cứ biên bản xác minh tại UBND xã Q ngày 23/2/202 và công văn trả lời của UBND huyện C đều khẳng định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 122 tờ bản đồ số 108 hiện nay không có.

Căn cứ lời thừa nhận của ông Triệu Nho H tại phiên tòa thấy rằng:

Ông H không đi nhận đất trên thực địa và không có chữ ký của các hộ giáp ranh theo quy định và theo lời khai của ông H tiền đây nhận đất trên bản đồ.

Xét thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002, thời điểm đó Luật đất đai năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung đất đai năm 1998 có hiệu lực pháp luật và trình tự, thủ tục được thực hiện theo Thông tư số 346/1998/TT-TCCĐ của Bộ tài nguyên và Môi trường phải căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất,

xét nguồn gốc đất của ông Triệu Đức Y đã khai phá từ năm 1976 và việc tranh chấp đã diễn ra liên tục trong thời gian từ năm 1981, do đó việc ông H kê khai cấp đất đối với thửa số 122 tờ bản đồ số 108 là không có căn cứ, không căn cứ vào nguồn gốc đất của ông Triệu Đức Lý, ông H chỉ nhận đất trên bản đồ nên không đúng về thủ tục kê khai nhận đất.

Ông Triệu Nho H khai nguồn gốc đất được bà Cói chia đất nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh, ông H khai được quản Y đất liên tục nhưng không cung cấp được căn cứ chứng minh.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

5. Những người làm chứng trình bày:

5.1. Bà Triệu Thị Viên trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2022:

Bà Viên là chị gái của ông H và chị gái vợ của ông Lý.

Tháng 4 năm 1975 thì vợ chồng bà Viên ra ở riêng sát ở vị trí đất tranh chấp, đất tranh chấp là của mẹ đẻ tên là Triệu Thị Cói (chết năm 1994) quản Y từ trước đó, đến lúc ông Triệu Đức Y từ Lạng Sơn chuyển về năm 1976 đã sinh sống tại vị trí đất có tranh chấp cho đến năm 1977 thì các hộ gồm ba hộ đều chuyển nơi khác sinh sống, ông Y cũng chuyển nơi khác sinh sống.

Tiếp đó thì bà Cói quản Y đất tranh chấp, lúc đó trên đất chỉ trồng chuối và vài ba cây quýt trên đất. Sau này bà Viên chuyển nơi khác sinh sống từ năm 1977 chuyển về xóm Khe Nác, xã Yên Đổ, huyện Phú Lương nên bà Viên không biết bà Cói có tặng cho ai, hoặc chuyển nhượng không được biết nhưng theo phong tục tập quán thì bà Cói tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Triệu Nho H.

Bà Viên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

5.2. Ông Triệu Nho Đức tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2022 trình bày:

Ông Triệu Nho Đức sinh sống tại Đồng Lương từ năm 1976 cho đến nay, ông Đức được biết là ông Y làm nHA trên đất tranh chấp khoảng năm 1976 cho đến năm 1979 thì vợ chồng ông Y chuyển nơi khác sinh sống.

Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông Đức.

5.3. Bà Dương Thị Mùi tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2022 trình bày:

Bà Mùi được biết là ông Y làm nHA trên đất tranh chấp khoảng năm 1976 cho đến năm 1979 thì vợ chồng ông Y chuyển nơi khác sinh sống.

Khoảng từ năm 1979 thì ông H là người trồng Ngô, Mía trên thửa đất.

Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

5.4. Bà Triệu Thị Mùi khai tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2022:

Bà Mùi được biết là ông Y làm nHA trên đất tranh chấp khoảng năm 1976 cho đến năm 1979 thì vợ chồng ông Y chuyển nơi khác sinh sống.

Khoảng từ năm 1979 thì ông H là người trồng Ngô, Mía trên thửa đất.

Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

6. UBND xã Q tại biên bản xác minh ngày 23/2/2022 cung cấp thông tin như sau:

- Đối với các tài liệu liên quan đến người sử dụng đất là ông Triệu Nho H và ông Triệu Đức Y trước năm 2003: UBND xã Q không còn lưu trữ bản đồ giải thửa năm 1985 và cũng không có tài liệu liên quan đến thửa đất tranh chấp.

- Hiện tại UBND xã Q lưu trữ sổ mục kê của năm 2001 thể hiện:

Tại trang số 04, ông Triệu Nho H có ghi tên người sử dụng đất đối với thửa số 122 tờ bản đồ số 108 diện tích 561m²

Ông Triệu Đức Y có ghi tên người sử dụng đất đối với thửa số 43 tờ bản đồ số 108 diện tích 289m² và ngoài ra còn có các thửa đất số 97,98,99, 104, 105,107, 108 tờ bản đồ số 108

Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Ông Triệu Nho H có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 122 tờ bản đồ số 108, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là T051707, cấp ngày 26/3/2001 của UBND huyện C.

Ngoài các tài liệu trên, hiện nay tại UBND xã Q không còn lưu trữ các tài liệu khác theo yêu cầu của công văn số: 196/CV-TA, ngày 27/12/2021 của TAND tỉnh B.

- Sau năm 2003 xã Q có triển khai cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn toàn xã (năm 2013) đối với thửa số 122, tờ bản đồ số 108 diện tích 561m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do có tranh chấp.

Năm 2013 đo đạc chỉnh Y bản đồ thửa số 122 tờ bản đồ số 108 diện tích 561m² đo đạc năm 2001 được chỉnh Y t H An h thửa số 74 tờ bản đồ số 109 diện tích 560,2m² (Bản đồ địa chính đo đạc chỉnh Y năm 2013).

- Hiện nay UBND xã Q đang quản Y số tiền: 11.062.800 đ (mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng) là tiền bồi thường giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất đối với thửa số 74 tờ bản đồ số 109 xã Q do có tranh chấp.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ Y giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự như:

Về thẩm quyền thụ lý: Căn cứ quy định Điều 37/ BLTTDS và Điều 32 Luật tố tụng H An h chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn, người có quyền I nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Về trình tự thụ Y thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195

BLTTDS, thông báo về việc thụ Y vụ án cho các đương sự và VKS, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định tại Điều 196, gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 175, 177, 178/ BLTTDS.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Về việc chuyển giao hồ sơ và gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán đã thực hiện đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án tại các Điều 237, 239, 241, 243, 246, 247, 249, 250, 251, 252, 254, 260/BLTTDS

Việc chấp HAnh pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền I nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định BLTTDS như cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72/ BLTTDS như giao nộp chứng cứ, tham gia hòa giải, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp HAnh tốt nội quy của Tòa án.

Đối với người bảo vệ quyền và I ích hợp pháp của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 75/BLTTDS

Đối với người làm chứng: Quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 78/ BLTTS.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật đất đai năm 1993, năm 2003; Điều 101, 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 34 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật tố tụng HAnh chính: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Đức Y về yêu cầu bị đơn ông YNho H trả lại diện tích đất 412m² thuộc thửa số 122 tờ bản đồ số 108 bản đồ địa chính năm 2001 (nay là thửa số 74 tờ bản đồ số 109, bản đồ chính Y năm 2013); yêu cầu được thanh toán khoản tiền đền bù với phần diện tích nHA nước đã thu hồi để làm đường và hủy giấy CNQSDĐ số T051707 cấp ngày 26/3/2003 cho hộ ông Triệu Nho H

Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Các bên đương sự tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp tiền bồi thường giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng ANH chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B.

[2] Về hiện trạng đất tranh chấp và yêu cầu khởi kiện:

Khi khởi kiện vụ án, ông Triệu Đức Ykhởi kiện tranh chấp đối với toàn bộ diện tích đất 560,2m² thuộc thửa số 74 tờ bản đồ số 109 (Bản đồ chính Ynăm 2013) và là thửa số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001).

Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2022, ông Yyêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 412,0m² thuộc thửa số 122 tờ bản đồ số 108 (bản đồ địa chính năm 2001) được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,11,9,10,1.

NHA nước đã thu hồi diện tích 63m² đối với thửa số 74 tờ bản đồ số 109 (Bản đồ địa chính chính Ynăm 2013), ông Yyêu cầu được nhận số tiền đền bù với số tiền: 11.062.800 đ (mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng) và yêu cầu huỷ chứng nhận quyền sử dụng đất số T051707, cấp ngày 26/3/2001 của UBND huyện C đứng tên hộ ông Triệu Nho H đối với thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001).

- Phần diện tích thuộc thửa số 317 tờ bản đồ số 109 diện tích 8,8m² (đất giao thông) được giới hạn bởi các mốc 6,7,8,9,11,6 không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Phần diện tích thuộc thửa số 131 tờ bản đồ số 109 diện tích: 13,2m² được giới hạn bởi các mốc 4,5,6,11,4 (Phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Dương Thị Tứ: Không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về tài sản trên đất tranh chấp có cỏ Voi và tường do ông Triệu Nho H xây.

Ông Triệu Nho H không đồng ý với việc khởi kiện của ông Triệu Đức Lý, ông H không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Đức YHội đồng xét xử nhận định:

Phía Nguyên đơn khai nhận nguồn gốc đất do ông Triệu Đức Ykhai phá làm nHA ở từ năm 1976 đến năm 1979, do khó khăn về nguồn nước nên đã chuyển nơi khác sinh sống và trong quá trình quản Yông Triệu Nho H đến mượn đất khi mượn không có giấy tờ và ông H đã canh tác trên thửa đất đến nay, tại thời điểm sinh sống trên thửa đất, ông Triệu Đức Ythừa nhận không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyết định giao đất và các giấy tờ nHA nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định.

Theo lời khai của ông Triệu Đức Ythì việc quản lý, sử dụng đất của ông Triệu Nho H từ năm 1981 đến nay.

Lời khai của những người làm chứng và lời khai của hộ giáp ranh là bà Dương Thị Tứ khai nhận thửa đất tranh chấp do ông Triệu Nho H quản Ycanh tác trồng Mía, Ngô và sau này trồng cỏ Voi, ông Triệu Đức Ykhông canh tác.

Ông Triệu Nho H khai nhận đất trước năm 1986 bỏ hoang và từ năm 1986, gia đình ông H khai phá và quản lý, sử dụng liên tục đến nay, không được mượn đất của ông Triệu Đức Lý.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử nhận định: về quá trình quản Ylời khai của Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều phù hợp với nhau khẳng định thửa đất ít nhất từ năm 1986 đến nay do ông Triệu Nho H canh tác trồng Mía, trồng Ngô và trồng cỏ Voi liên tục đến nay.

Ông Triệu Đức Y quản Yđất từ năm 1976 đến năm 1979, chưa được NHA nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có quyết định giao đất và các giấy tờ nHA nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định.

UBND xã Q cung cấp thông tin trước năm 2003 không có các tài liệu về người sử dụng đất đối với thửa đất có tranh chấp.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26 của Luật đất đai năm 1993 quy định các trường hợp thu hồi đất.:

"3. Đất không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền mà không được cơ quan NHA nước có thẩm quyền quyết định giao đất cho phép".

Căn cứ Khoản 11 Điều 38 của Luật đất đai năm 2003 quy định các trường hợp thu hồi đất:

"11. Đất trồng cây HAng năm không được sử dụng trong thời hạn mười hai tháng liền....".

Điều h Khoản 1 Điều 64 của Luật đất đai năm 2013 quy định các trường hợp thu hồi đất"

" h. Đất trồng cây HAng năm không được sử dụng trong thời hạn mười hai tháng liền...."

Do vậy việc ông Triệu Nho H quản Yổn định đất liên tục từ năm 1986 và đến năm 2003 kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001) và được nHA nước công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với chính sách đất đai quy định tại Điều 2 của Luật đất đai năm 1993 và được kế thừa tại Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013

" Điều 2:

1- Người sử dụng đất ổn định, được Uỷ bản nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan nHA nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Đức Lý.

- Về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T051707, cấp ngày 26/3/2001 của UBND huyện C đối với thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001).

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 2003 tại xã Q triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã yêu cầu UBND xã Q và UBND huyện C cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa

chính năm 2001), tuy nhiên hiện nay tại UBND xã Q và UBND huyện C không tìm thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Triệu Nho H.

Căn cứ công văn số 11/UBND-TNMT, ngày 05/01/2022 của UBND huyện C khẳng định: triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 tại xã Q là triển khai chung phù hợp với biên bản xác minh tại UBND xã Q ngày 23/2/2022 cung cấp thông tin: Tại trang số 04, ông Triệu Nho H có ghi tên người sử dụng đất đối với thửa số 122 tờ bản đồ số 108 diện tích 561m²

Ông Triệu Đức Y có ghi tên người sử dụng đất đối với thửa số 43 tờ bản đồ số 108 diện tích 289m² và ngoài ra còn có các thửa đất số 97,98,99, 104, 105,107, 108 tờ bản đồ số 108.

Phù hợp với lời khai của các đương sự là ông Triệu Đức Y không kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 122 tờ bản đồ số 108, phía Nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng minh có kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 122 tờ bản đồ số 10.

Ông Triệu Đức Y khai tại thời điểm kê khai năm 2003 đã có tranh chấp đối với thửa đất 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001) nhưng không cung cấp được tài liệu, căn cứ chứng minh.

Căn cứ lời trình bày của đại diện UBND huyện C tại phiên toà và lời khai của các bên đương sự đều khẳng định việc cấp đất năm 2003 được xét duyệt từ Hội đồng đăng ký đất đai cấp xã xác nhận nguồn gốc, quá trình quản lý xét duyệt đối với từng hộ gia đình, cá nhân, không có tranh chấp thì được tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy mặc dù UBND xã Q và UBND huyện C không cung cấp được hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001) để Hội đồng xét xử xem xét đánh giá về quy trình cấp đất, tuy nhiên căn cứ vào quá trình quản lý đất của ông Triệu Nho H phù hợp với quy định tại Điều 2 của Luật đất đai năm 1993 và không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nêu yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Quá trình thực hiện dự án xây dựng tuyến đường cao tốc Thái Nguyên - C có thu hồi một phần diện tích 63m² thuộc thửa số 74 tờ bản đồ số 109 (bản đồ chỉnh lý năm 2013) và đền bù với số tiền: 11.062.800 đ (mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng), thửa số 74 tờ bản đồ số 109 (bản đồ chỉnh lý năm 2013) là thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001).

Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được nhận số tiền: 11.062.800 đ (mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Không có cơ sở chấp nhận ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Đức Y không được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Triệu Đức Y phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với tổng số tiền: 3.600.000 đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ông Triệu Đức Y được nhận lại số tiền: 4.400.000 đ (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

[5]. Về chi phí tố tụng khác:

Ông Triệu Nho H phải chịu chi phí lấy lời khai của người làm chứng với số tiền: 990.000 đ (chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Ông Triệu Nho H được nhận lại số tiền: 2.010.000 đ (hai triệu không trăm mười nghìn đồng).

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Triệu Đức Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền: 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí có giá ngạch với số tiền: 553.000 đ (năm trăm năm mươi ba nghìn đồng), gia đình ông Y có đơn xin miễn án phí, xét thấy ông Y thuộc dân tộc thiểu số sống tại vùng 135 và thuộc trường hợp người cao tuổi do vậy chấp nhận miễn án phí cho ông Triệu Đức Y theo quy định Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lý do trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 156 và Khoản 1 Điều 157, Điều 158; Điều 167 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 26 của Luật đất đai năm 1993, Điều 38, Điều 50 của Luật đất đai năm 2003; Điều 64, Điều 166; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Đức Y về yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 412,0m² được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,11,9,10,1 thuộc thửa số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001) nay thuộc thửa số 74 tờ bản đồ số 109 (Bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2013).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Đức Y về yêu cầu được nhận tiền đền bù đối với diện tích 63m² thuộc thửa số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001) nay thuộc thửa số 74 tờ bản đồ số 109 (Bản đồ địa chính

chính Năm 2013) với số tiền: 11.062.800 đ (mười một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Đức Y về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T051707, cấp ngày 26/3/2001 của UBND huyện C đối với thửa đất số 122 tờ bản đồ số 108 (Bản đồ địa chính năm 2001).

(Có sơ đồ thửa đất tranh chấp kèm theo bản án)

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Triệu Đức Y phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với tổng số tiền: 3.600.000 đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ông Triệu Đức Y được nhận lại số tiền: 4.400.000 đ (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng khác:

Ông Triệu Nho H phải chịu chi phí lấy lời khai của người làm chứng với số tiền: 990.000 đ (chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Ông Triệu Nho H được nhận lại số tiền: 2.010.000 đ (hai triệu không trăm mười nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Triệu Đức Y được nhận lại số tiền: 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0002253 của Chi cục Thi Hành dân sự huyện C - ngày 15/6/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi HÀNH theo quy định tại điều 2 luật thi HÀNH án dân sự thì người được thi HÀNH án dân sự, người phải thi HÀNH án dân sự có quyền thỏa thuận thi HÀNH án, quyền yêu cầu thi HÀNH án, tự nguyện thi HÀNH án hoặc bị cưỡng chế thi HÀNH án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi HÀNH án dân sự, thời hiệu thi HÀNH án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi HÀNH án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Dương Thị Tứ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Các đương sự, người bảo vệ quyền và I ích hợp pháp;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu HS;
- Lưu VP;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Truyền

